

PHÂN TÍCH TÁC PHẨM “VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC” CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

1. Dàn ý phân tích văn bản "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu

a. Mở bài:

- Vài nét về Nguyễn Đình Chiểu: một tác giả mù nhưng nhân cách vô cùng cao đẹp, là một ngôi sao sáng trên bầu trời văn học dân tộc và “càng nhìn càng thấy sáng” (Phạm Văn Đồng).
- Đôi nét về Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc: Bài văn tế là tiếng khóc bi tráng cho một thời kì lịch sử đau thương nhưng vĩ đại của dân tộc.

b. Thân bài:

- Phần lung khởi: khái quát bối cảnh thời đại và lời khẳng định sự bất tử của người nông dân nghĩa sĩ:

- + “Hỡi ôi!”: Câu cảm thán thể hiện niềm tiếc thương chân thành, thiết tha, thương tiếc.
- + “Súng giặc đất rèn”: sự tàn phá nặng nề, giặc xâm lược bằng vũ khí tối tân.
- + “Lòng dân trời tở”: đánh giặc bằng tấm lòng yêu quê hương đất nước -> Trời chứng giám.
- + Nghệ thuật đối lập nhằm thể hiện khung cảnh bão táp của thời đại, những biến cố chính trị lớn lao.

=> Lời khẳng định tuy thất bại nhưng người nghĩa sĩ hi sinh nhưng tiếng thơm còn lưu truyền mãi.

- Phần thích thực: Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc:

+ Nguồn gốc xuất thân: Từ nông dân nghèo khổ, những dân ấp, dân lân (những người bỏ quê đến khai khẩn đất mới để kiếm sống), “cui cút làm ăn”: hoàn cảnh sống cô đơn, thiếu người nương tựa.

+ Nghệ thuật tương phản: chưa quen >< chỉ biết, vốn quen >< chưa biết.

=> Tác giả nhấn mạnh việc quen và chưa quen của người nông dân để tạo ra sự đối lập về tầm vóc của người anh hùng.

+ Lòng yêu nước nồng nàn:

- Khi thực dân Pháp xâm lược người nông dân cảm thấy: Ban đầu lo sợ -> trông chờ tin quan -> ghét -> căm thù -> đứng lên chống lại.

=> Diễn biến tâm trạng người nông dân, sự chuyển hóa phi thường trong thái độ.

- Thái độ đối với giặc: căm ghét, căm thù đến tận tột độ.
- Nhận thức về tổ quốc: Họ không dung tha những kẻ thù lừa dối, bịp bợm -> họ chiến đấu một cách tự nguyện: “nào đợi đòi ai bắt...”.

+ Tinh thần chiến đấu hi sinh của người nông dân:

- Tinh thần chiến đấu tuyệt vời: Vốn không phải lính diễn binh, chỉ là dân ấp dân lân mà “mến nghĩa làm quân chiêu mộ”.
- Quân trang rất thô sơ: môt manh áo vải, ngọn tầm vông, lưỡi dao phay, rơm con cút đã đi vào lịch sử.

- Lập được những chiến công đáng tự hào: “đốt xong nhà dạy đạo”, “chém rót đầu quan hai nọ”, “đạp rào”, “xô cửa”, “liều mình”, “đâm ngang”, “chém ngược”... động từ mạnh chỉ hành động mạnh mẽ với mật độ cao nhịp độ khẩn trương sôi nổi.

=> Tượng đài nghệ thuật sùng sững về người nông dân nghĩa sĩ đánh giặc cứu nước.

- Phần ai văn:

- + Sự tiếc thương và cảm phục của tác giả trước sự hi sinh của người nghĩa sĩ.
- + Sự hi sinh của những người nông dân được nói đến một cách hình ảnh với niềm tiếc thương chân thành.
- + Hình ảnh gia đình: tang tóc, cô đơn, chia lìa, gợi không khí đau thương, buồn bã sau cuộc chiến.
- + Sự hi sinh của những người nông dân nghĩa sĩ để lại xót thương đau đớn cho tác giả, gia đình thân quyến, nhân dân Nam Bộ, nhân dân cả.

=> Tiếng khóc lớn, tiếng khóc mang tầm vóc lịch sử. Bút pháp trữ tình, nhịp câu trầm lắng, gợi không khí lạnh lẽo, hiu hắt sau cái chết của nghĩa quân.

- Phần kết:

- + Ca ngợi linh hồn bất tử của người nghĩa sĩ.
- + Tác giả khẳng định: “Một trận khói tan, nghìn năm tiết rõ”: Danh tiếng nghìn năm còn lưu mãi.
- + Ông cũng nêu cao tinh thần chiến đấu, xả thân vì nghĩa lớn của nghĩa quân.
- + Đây là cái tang chung của mọi người, của cả thời đại, là khúc bi tráng về người anh hùng thắt thế.

=> Khẳng định sự bất tử của những người nghĩa sĩ.

c. Kết bài:

- Khái quát những nét đặc sắc tiêu biểu về nghệ thuật làm nên thành công về nội dung của tác phẩm.
- Trình bày suy nghĩ bản thân.

2. Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ về văn bản "Văn tế nghĩa sĩ Càn Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu

Có lẽ với những người yêu thích văn chương, đề tài người nông dân đã quá đỗi quen thuộc và trở thành chủ đề “chọn mặt gửi vàng” của không ít “cây bút”. Chúng ta đã có một anh nông dân mất hết “nhân hình lẫn nhân tính” khi bị xã hội đẩy đến bờ vực trong “Chí Phèo” – Nam Cao. Hay là hình ảnh chị Dậu “vùng chạy ra ngoài giữa lúc trời tối đen như mực, đen như cái tiền đồ của chị vậy!” trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố. Thế nhưng, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam một tượng đài sùng sững, hùng tráng về người nông dân đã được Nguyễn Đình Chiểu chắp bút qua “Văn tế nghĩa sĩ Càn Giuộc”. Bên cạnh việc khắc họa hình ảnh bi tráng, đầy hi sinh của người nông dân chống Pháp thì bài tế còn là nỗi lòng, nỗi xót thương của tác giả cho “những anh hùng áo vải”. Bằng cách sử dụng thể loại tế, cùng với việc sử dụng ngôn ngữ bình dị, dân dã kết hợp giọng điệu xót thương, Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa nên bức chân dung về những người “chiến sĩ Càn Giuộc” dũng cảm quên mình. Ở họ sự thiêng thốn khắc khổ, cái khó khăn trong lúc luyện tập vũ khí không làm chùn bước chân của những nghĩa sĩ mà trái lại tinh thần sôi nổi, ý chí tự nguyện cùng quyết tâm đánh đuổi quân thù đã đúc kết lại làm nên những trang anh hùng. Dù kết thúc, chúng ta đã có một phần

nghĩa sĩ ngã xuống nhưng chính cái hi sinh ấy lại là tiếng nói cao cả cho những con người dù “thấp cõi bé họng” vẫn có quyền lên tiếng cho chính bản thân mình.

3. Phân tích tác phẩm "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ, nhà văn hàng đầu ở Nam Bộ thời kì văn học Trung đại, là ngôi sao sáng của văn học dân tộc. Ông để lại sự nghiệp sáng tác đồ sộ, thể hiện lí tưởng nhân nghĩa và lòng yêu nước sâu sắc. Trong hệ thống tác phẩm đó ta không thể không nhắc đến Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của ông.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc sáng tác trong hoàn cảnh thực dân Pháp nỗ súng xâm lược ta, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Cần Giuộc nổ ra và giành thắng lợi bước đầu. Sau đó giặc phản công dữ dội, 20 nghĩa sĩ bị giết chết. Bấy giờ, tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang đã yêu cầu Nguyễn Đình Chiểu viết 1 bài văn tế để đọc trong lễ truy điệu của các nghĩa sĩ Cần Giuộc.

Ở phần lung khởi, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu lên lí lẽ sống chết. Đó là đứng lên chống lại ngoại xâm bởi súng giặc làm đất rền, còn lòng dân thì trời sẽ tỏ. Bằng phép đối, ông đã nói lên sự căm phẫn của nhân dân trước việc nước nhà bị xâm lăng. Bên cạnh đó, ông còn so sánh cái danh về việc làm ruộng và đánh giặc việc bỏ sức mười năm dỡ công vỡ ruộng, đối với một trận đánh tây, và cái danh mang lại của mười năm chưa thể nào nỗi như phao của trận đánh tây đó, danh tiếng hào hùng vang xa như tiếng mõ vang hào hùng, khí thế.

Cũng bởi lẽ sống chết đó, cùng với lòng yêu nước và sự căm thù giặc, căm thù những thói mạt nô giỗng như kiểu nhà nông ghét cỏ và sự phẫn nộ đó tột độ đến mức muốn ăn gan, muốn cắn cổ bọn giặc ngoại và một nỗi thấu hiểu "nước mắt, nhà tan" làm sục sôi và giai cấp nông dân đã đứng lên khởi nghĩa. Đó là những người nông dân cõi cút làm ăn trước giờ chuyên cuốc, chuyên cày, bừa, còn việc quân sự như tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, họ chưa từng ngó lơ, chưa từng nhìn ấy thế mà nào phải đợi ai đến, ai bắt, họ đã tự xin ra sức đoạn kình đấu tranh tự nguyện ngay cả khi chưa trở thành người lính. Họ là những người nông dân dũng cảm, chiến đấu không màng sống chết với hình ảnh hùng dũng không ngại sắt thép đang chĩa ra mà đạp rào lưới tối, coi giặc như không hiện hữu; không biết sợ thắng Tây nào đang bắn những đạn nhỏ đạn to, mà xô cửa xông vào liều mình với tất cả nhưng như chẳng có. Mặc dù vũ khí của họ rất thô sơ chỉ là ngọn tầm vông, những chi nài, dao tu, nón gõ nhưng vẫn lao vào địch mà đâm ngang, chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kêu tàu thiếc, tàu đồng súng nổ. Họ chiến đấu vì tổ quốc, vì dân tộc nên sẵn sàng bỏ lại gia đình của riêng. Đây chính là nội dung của phần thích thực.

Nội dung của phần ai văn hướng đến lịch sử hào hùng của dân tộc. Trong trận đánh Tây họ không được trang bị binh pháp, chưa một ngày được rèn luyện võ nghệ, trang bị của họ hết sức thô sơ chỉ là những vật dụng sinh hoạt và lao động hàng ngày: "Ngoài cật có một manh áo vải", "trong tay cầm một ngọn tầm vông", "hỏa mai đánh bằng rơm con cùi",... Ngược lại, địch được trang bị vũ khí tối tân, hơn nữa chúng còn được rèn luyện vô cùng tinh nhuệ: "đạn nhỏ đạn to" "tàu đồng súng nổ". Sự tương quan lực lượng hai bên đã thấy rõ, nhưng người nghĩa sĩ nông dân vẫn "Đạp rào lưới tối", "coi giặc cũng như không", "Xô cửa xông vào liều mình như chẳng có", "Đâm ngang chém ngược làm cho mã tà ma ní hồn kinh",... Không hề sợ hãi trước uy lực của kẻ thù. Bằng việc sử dụng liên tiếp các động từ mạnh, nhịp điệu nhanh, gấp gáp tác giả đã vẽ lên khung cảnh chiến trường ác liệt, đồng thời cũng ánh lên vẻ đẹp của người nông dân nghĩa sĩ: hiên ngang, kiên cường, dũng cảm, bất khuất.

Những văn thơ cuối cùng đã khẳng định sự bất tử của những nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc trong sự tiếc thương và cảm phục của những người còn lại. Đồng thời biểu dương công trạng xả thân vì nghĩa lớn của các nghĩa sĩ. Đặc biệt trong câu: "Nước mắt anh hùng lau

chẳng ráo, thương vì hai chữ thiêng dân; cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cám bởi một câu vương thỗ” vừa thể hiện được nỗi xót thương và lòng tưởng nhớ những người đã mất vừa tôn vinh công trạng của họ trong sự so sánh ngầm với triều đình.

Chính những điều đó đã khắc họa được hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Càn Giuộc những con người anh dũng dám hy sinh vì nghĩa lớn với một lòng nồng nàn yêu nước. “Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Tinh thần ấy, con người ấy trở thành hình tượng đẹp, đáng nể phục và là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ Việt Nam. Nếu như trước khi thực dân Pháp xâm lược thơ văn của Đồ Chiểu chủ yếu là thể loại truyện thơ dài với nhân vật tiêu biểu là Lục Vân Tiên để truyền bá đạo lí và tư tưởng làm người thì ở giai đoạn sau năm 1858 thơ văn Đồ Chiểu là lá cờ đầu cho văn thơ chống Pháp đầu thế kỉ XIX, cỗ vũ lòng yêu nước. Bài văn tế đã góp phần để Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng thực sự tỏa sáng theo cách của riêng mình trong bầu trời văn nghệ của dân tộc.